

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC**  
**MÔN: KỸ NĂNG TIỀN LÂM SÀNG**

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN          |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi |     | Điểm TBM Lần 1 |         |
|----|------------|--------------------|-------|------------|----------|---------|-----|------------|-------------------|----------|-----|----------------|---------|
|    |            |                    |       |            |          | HS1     | HS2 |            |                   | L1       | L2  |                |         |
|    |            |                    |       |            |          |         |     | 4,0        |                   | 6,0      | 6,0 | TB Môn         | KQ1     |
|    | 1          | 2                  | 3     | 4          | 5        | 6       | 7   | 8          | 9                 | 10       | 11  | 12             | 13      |
| 1  | 2213360349 | Nguyễn Thành       | An    | 19/08/2005 | 02YS14C1 | 6,5     | 7,0 | 6,8        |                   | 7,0      |     | 6,9            | Đạt     |
| 2  | 2213360080 | Nguyễn Bình Phương | Anh   | 20/08/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 6,0      |     | 6,4            | Đạt     |
| 3  | 2213360301 | Trương Huỳnh Nhật  | Anh   | 08/11/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 5,5      |     | 6,1            | Đạt     |
| 4  | 2213360272 | Đỗ Vũ Khánh        | Băng  | 28/09/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   |          |     | 2,8            | Thi lại |
| 5  | 2213240192 | Trần Thị Kim       | Cương | 20/08/2003 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 7,0      |     | 7,0            | Đạt     |
| 6  | 2213360246 | Nguyễn Thành       | Đạt   | 19/07/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   |          |     | 2,8            | Thi lại |
| 7  | 2213360342 | Lê Tấn             | Đạt   | 18/11/2006 | 02YS14C1 | 5,0     | 7,0 | 6,3        |                   | 5,5      |     | 5,8            | Đạt     |
| 8  | 2213240108 | Phạm Thị Thúy      | Giang | 14/01/2002 | 02YS14A1 | 7,0     | 8,0 | 7,7        |                   | 8,5      |     | 8,2            | Đạt     |
| 9  | 2213240125 | Nguyễn Thảo        | Hiền  | 13/01/2003 | 02YS14A1 | 7,5     | 8,0 | 7,8        |                   | 8,5      |     | 8,2            | Đạt     |
| 10 | 2213360294 | Trần Phan Thế      | Hiền  | 11/10/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 7,0      |     | 7,0            | Đạt     |
| 11 | 2213360049 | Hồ Trung           | Hiếu  | 07/08/1999 | 02YS14C1 |         |     | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 12 | 2213360293 | Siu                | H'Ly  | 25/06/2000 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 6,5      |     | 6,7            | Đạt     |
| 13 | 2213240010 | Đoàn Quang         | Khánh | 06/11/2001 | 02YS14A1 | 7,0     | 8,0 | 7,7        |                   | 8,5      |     | 8,2            | Đạt     |
| 14 | 2213360287 | Trần Ngô Quốc      | Khánh | 30/08/2006 | 02YS14C1 | 5,5     | 6,0 | 5,8        |                   | 7,0      |     | 6,5            | Đạt     |
| 15 | 2213240148 | Đặng Tiến          | Khoa  | 09/02/2003 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   | 8,5      |     | 8,0            | Đạt     |

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC**  
**MÔN: KỸ NĂNG TIỀN LÂM SÀNG**

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN         |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi |     | Điểm TBM Lần 1 |         |
|----|------------|-------------------|--------|------------|----------|---------|-----|------------|-------------------|----------|-----|----------------|---------|
|    |            |                   |        |            |          | HS1     | HS2 |            |                   | L1       | L2  |                |         |
|    |            |                   |        |            |          |         |     | 4,0        |                   | 6,0      | 6,0 | TB Môn         | KQ1     |
|    | 1          | 2                 | 3      | 4          | 5        | 6       | 7   | 8          | 9                 | 10       | 11  | 12             | 13      |
| 16 | 2213360280 | Lê Mỹ             | Kỳ     | 29/04/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 6,5      |     | 6,7            | Đạt     |
| 17 | 2213360151 | Nguyễn Bảo Gia    | Lạc    | 27/11/2005 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   |          |     | 2,8            | Thi lại |
| 18 | 2213360202 | Trần Thị Hồng     | Loan   | 24/03/2006 | 02YS14C1 | 5,5     | 6,0 | 5,8        |                   |          |     | 2,3            | Thi lại |
| 19 | 2213240206 | Đinh Thị Mỹ       | Loan   | 23/01/2003 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 7,0      |     | 7,0            | Đạt     |
| 20 | 2213240186 | Đỗ Tiến           | Lực    | 27/09/2003 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 6,0      |     | 6,4            | Đạt     |
| 21 | 2213240048 | Trần Dương Phương | Mai    | 02/09/2001 | 02YS14A1 | 0,0     | 0,0 | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 22 | 2213360313 | Trần Văn          | Minh   | 01/06/2004 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 7,5      |     | 7,3            | Đạt     |
| 23 | 2213360195 | Nguyễn Thị Tố     | Nga    | 05/01/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 6,5      |     | 6,7            | Đạt     |
| 24 | 2213240089 | Nguyễn Thị Thu    | Ngân   | 01/11/2002 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,0 | 7,0        |                   | 7,0      |     | 7,0            | Đạt     |
| 25 | 2213240088 | Du Bảo            | Ngọc   | 01/12/2001 | 02YS14A1 |         |     | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 26 | 2213240144 | Nguyễn Đăng       | Nguyên | 30/12/2003 | 02YS14A1 | 6,5     | 7,0 | 6,8        |                   | 7,0      |     | 6,9            | Đạt     |
| 27 | 2213360149 | Đặng Thiên        | Phú    | 08/06/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   | 8,5      |     | 8,0            | Đạt     |
| 28 | 2213360329 | Đoàn Nguyễn Thiện | Phú    | 27/07/2006 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 29 | 2213360296 | Lê Ngọc Anh       | Phụng  | 21/03/1998 | 02YS14B1 |         |     | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 30 | 2213360039 | Trần Minh         | Quân   | 21/10/2005 | 02YS14C1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   | 7,5      |     | 7,4            | Đạt     |

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC**  
**MÔN: KỸ NĂNG TIỀN LÂM SÀNG**

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN         |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Điểm QT |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi |     | Điểm TBM Lần 1 |         |
|----|------------|-------------------|--------|------------|----------|---------|-----|------------|-------------------|----------|-----|----------------|---------|
|    |            |                   |        |            |          | HS1     | HS2 |            |                   | L1       | L2  |                |         |
|    |            |                   |        |            |          |         |     | 4,0        |                   | 6,0      | 6,0 | TB Môn         | KQ1     |
|    | 1          | 2                 | 3      | 4          | 5        | 6       | 7   | 8          | 9                 | 10       | 11  | 12             | 13      |
| 31 | 2213240117 | Võ Ngọc Minh      | Quân   | 26/01/2003 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 32 | 2213240152 | Trần Vương        | Quốc   | 06/05/2003 | 02YS14A1 |         |     | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 33 | 2213240155 | Nguyễn Thị Ngọc   | Quyên  | 17/04/2003 | 02YS14A1 |         |     | 0,0        | TBKT              |          |     | 0,0            | Học lại |
| 34 | 2213240020 | Phan Duy          | Thanh  | 11/03/1996 | 02YS14A1 | 7,5     | 8,0 | 7,8        |                   | 8,5      |     | 8,2            | Đạt     |
| 35 | 2213240189 | Bùi Văn           | Thạnh  | 05/02/2002 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,0 | 7,2        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 36 | 2213240097 | Trần Thị Phương   | Thảo   | 22/08/2000 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,0 | 7,2        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 37 | 2213240146 | Trần Thị Phương   | Thảo   | 30/12/2003 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,0 | 7,2        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 38 | 2213180064 | Nguyễn Thị Phương | Thảo   | 03/11/1989 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,0 | 7,2        |                   | 7,0      |     | 7,1            | Đạt     |
| 39 | 2213240070 | Vũ Đình           | Thiện  | 28/01/1995 | 02YS14A1 | 7,5     | 8,0 | 7,8        |                   | 8,5      |     | 8,2            | Đạt     |
| 40 | 2213240187 | Đỗ Thị Mỹ         | Tiên   | 08/04/2003 | 02YS14A1 | 6,5     | 7,0 | 6,8        |                   | 7,5      |     | 7,2            | Đạt     |
| 41 | 2213240170 | Trần Thị Kim      | Tiến   | 28/08/2003 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,0 | 7,2        |                   | 7,5      |     | 7,4            | Đạt     |
| 42 | 2213240025 | Lương Thùy        | Trang  | 17/09/1999 | 02YS14A1 | 7,0     | 7,5 | 7,3        |                   |          |     | 2,9            | Thi lại |
| 43 | 2213240123 | Đặng Thị Huyền    | Trang  | 23/04/2003 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,5 | 7,5        |                   | 7,5      |     | 7,5            | Đạt     |
| 44 | 2213240173 | Châu Quốc         | Triệu  | 12/12/2003 | 02YS14A1 | 7,5     | 7,5 | 7,5        |                   | 7,0      |     | 7,2            | Đạt     |
| 45 | 2213360317 | Lê Ngọc Vĩnh      | Trường | 20/07/2005 | 02YS14C1 | 7,5     | 7,5 | 7,5        |                   |          |     | 3,0            | Thi lại |

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC**  
**MÔN: KỸ NĂNG TIỀN LÂM SÀNG**

| TT | Mã SV      | HỌ VÀ TÊN  | Ngày sinh | Mã lớp     | Điểm QT  |     | Điểm TB QT | Điều kiện thi KTM | Điểm Thi |     | Điểm TBM Lần 1 |     |     |
|----|------------|------------|-----------|------------|----------|-----|------------|-------------------|----------|-----|----------------|-----|-----|
|    |            |            |           |            | HS1      | HS2 |            |                   | L1       | L2  | TB Môn         | KQ1 |     |
|    |            |            |           |            | 4,0      |     | 6,0        |                   | 6,0      |     |                |     |     |
|    | 1          | 2          | 3         | 4          | 5        | 6   | 7          | 8                 | 9        | 10  | 11             | 12  | 13  |
| 46 | 2213240141 | Trần Quang | Tuyến     | 18/11/2003 | 02YS14A1 | 7,5 | 7,5        | 7,5               |          | 7,5 |                | 7,5 | Đạt |
| 47 | 2223180015 | Huỳnh Quốc | Thanh     | 06/02/1998 | 02YS14A1 | 7,5 | 8,0        | 7,8               |          | 7,5 |                | 7,6 | Đạt |